

ĐẠI HỌC DUY TÂN
TRUNG TÂM TIN HỌC

BẢNG ĐIỂM HỌC VIÊN DỰ THI ĐỢT ĐỢT 1 THÁNG 12/2025
CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CNTT CHUẨN NÂNG CAO

Thời gian: 09h00 * Ngày thi: 21/12/2025

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
						KTC	THUD	KẾT QUẢ	
1	28214954772	Cao Bá An	18/07/2004	Gia Lai	31TYC11	5.7	5.0	Đạt	
2	28212306329	Lương Tuấn Anh	02/05/2004	Bình Phước	31TYC11	5.7	7.3	Đạt	
3	28212300980	Đậu Văn Bách	07/11/2004	Nghệ An	31TSC12	7.7	8.3	Đạt	
4	28204300465	Nguyễn Thị Ni Châu	05/05/2003	Đắk Lắk	31TYC3	9.7	6.3	Đạt	
5	28208004094	Lê Thị Kim Chi	13/07/2004	Quảng Trị	31SHT7	5.3	4.5	Không Đạt	
6	28214321573	Trần Trương Đăng	16/09/2004	Đà Nẵng	31SBN7	9.0	8.5	Đạt	
7	28218023058	Đỗ Thanh Danh	12/05/2004	Gia Lai	31TYC11	10.0	6.0	Đạt	
8	28214200772	Trần Quang Quốc Đạt	29/08/2004	Thừa Thiên H	31SBN7	9.3	10.0	Đạt	
9	28206522951	Phạm Thị Mỹ Dung	21/02/2004	Đắk Lắk	31TYC11	10.0	2.3	Không Đạt	
10	28212349392	Mỵ Duy Hà	29/05/2004	Gia Lai	31TYC11	5.7	5.5	Đạt	
11	28214606801	Tạ Minh Hải	29/04/2004	Thái Bình	31SHT7	6.7	5.5	Đạt	
12	30205056221	Trần Mai Hân	01/01/2006	Đà Nẵng	31TYC11	9.7	3.5	Không Đạt	
13	28204551168	Nguyễn Thị Thu Hằng	05/06/2002	Quảng Nam	31SBN7	9.0	6.0	Đạt	
14	28204551452	Trương Thị Mỹ Hạnh	09/01/2004	Thừa Thiên H	31SHT7	9.7	10.0	Đạt	
15	28204549267	Võ Thị Hồng Hậu	25/04/2004	Quảng Nam	31SHT7	9.7	5.3	Đạt	
16	28209306287	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	03/01/2004	Phú Yên	31SHT7	9.7	7.3	Đạt	
17	26215335523	Trần Trung Hiếu	02/01/2002	Đà Nẵng	31TYC11	9.3	8.3	Đạt	
18	28214602719	Võ Công Hiếu	20/09/2004	Quảng Nam	30TBN14	6.7	3.8	Không Đạt	
19	27212237336	Huỳnh Bá Hiệu	22/01/2003	Đà Nẵng	31TBN5	0.0	0.0	Không Đạt	
20	28206503520	Lê Thị Thanh Hoa	20/10/2004	Quảng Bình	31TYC11	9.3	6.8	Đạt	
21	28204551902	Nguyễn Thị Thu Hoài	28/03/2004	Gia Lai	31SHT7	9.7	7.0	Đạt	
22	28212300877	Phạm Văn Chí Hoàng	10/01/2004	Quảng Nam	31TYC11	8.7	8.3	Đạt	
23	28208103958	Lê Ngô Quỳnh Hương	20/04/2004	Huế	31TYC11	9.3	10.0	Đạt	
24	28214550435	Trần Nhật Huy	16/07/2004	Quảng Bình	31SHT7	6.7	3.8	Không Đạt	
25	27211549251	Nguyễn Duy Khuyên	06/02/2003	Quảng Ngãi	31SBN7	8.7	3.8	Không Đạt	
26	28212253613	Trịnh Kiêm	08/05/2004	Thừa Thiên H	31SHT7	9.7	7.8	Đạt	
27	28204321624	Ngô Nguyễn Trúc Lam	14/10/2004	Đà Nẵng	31TYC11	8.3	5.0	Đạt	
28	28204322014	Phan Thị Thu Liên	02/09/2004	Quảng Ngãi	31TYC11	9.7	7.3	Đạt	
29	28205147486	Lê Thị Ngọc Linh	01/10/2004	Gia Lai	31SBN7	7.3	4.0	Không Đạt	
30	28204550052	Đào Bích Ly	09/12/2003	Huế	31SBN7	7.7	4.0	Không Đạt	
31	29204627597	Trần Xuân Mai	10/02/2005	Đà Nẵng	31SBN7	H	H	Không Đạt	
32	28212349908	Hoàng Lê Minh	22/06/2004	Hồ Chí Minh	31TYC11	7.0	6.3	Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
33	28206600309	Vũ Thị Thanh	Mơ	15/04/2003	Đắk Lắk	31SBN7	8.3	7.5	Đạt	
34	29204659507	Nguyễn Thị Xuân	My	07/10/2005	Quảng Nam	31THT10	8.7	5.3	Đạt	
35	28206500535	Nguyễn Thị Lệ	Mỹ	22/07/2004	Đắk Lắk	31TYC11	9.3	2.8	Không Đạt	
36	29207363693	Lê	Na	05/06/2005	Quảng Bình	31TYC11	0.0	0.0	Không Đạt	
37	28204600701	Lê Thị Bích	Nga	11/12/2004	Quảng Ngãi	31SBN7	10.0	5.9	Đạt	
38	26215339310	Trương Quang Anh	Nghĩa	10/07/2002	Quảng Trị	31TYC11	8.3	9.3	Đạt	
39	29204955744	Lê Thị Phương	Ngọc	08/12/2005	Đà Nẵng	31TYC11	10.0	5.0	Đạt	
40	28205140602	Võ Bích	Ngọc	09/11/2004	Kon Tum	31TBN4	7.3	5.0	Đạt	
41	28204100712	Nguyễn Hoàng Nhật	Nguyên	14/10/2004	Huế	31SBN7	7.3	5.8	Đạt	
42	28204320947	Nguyễn Thị Kim	Nguyên	25/09/2004	Quảng Nam	31SBN7	10.0	5.8	Đạt	
43	28216251206	Võ Trung	Nguyên	06/07/2004	Ninh Thuận	31SHT7	7.7	2.3	Không Đạt	
44	28214106734	Trần Đình Bảo	Nhân	11/08/2004	Quảng Trị	31SBN7	9.0	6.8	Đạt	
45	28208106349	Lê Ngọc Ý	Nhi	15/08/2004	Kon Tum	31TYC11	7.7	6.8	Đạt	
46	28204804855	Lê Thị Yến	Nhi	03/03/2004	Quảng Nam	31THT9	5.3	5.0	Đạt	
47	28204900788	Nguyễn Thị Yến	Nhi	27/03/2003	Đắk Lắk	31SBN7	9.3	3.3	Không Đạt	
48	28205120449	Phạm Yến	Nhi	16/08/2004	Đà Nẵng	31SBN7	5.3	5.3	Đạt	
49	28206501031	Tạ Thị Yến	Nhi	05/10/2004	Quảng Trị	31TBN8	8.3	5.0	Đạt	
50	28204501023	Trương Thị Quỳnh	Nhi	20/10/2004	Kon Tum	31SHT7	9.0	6.8	Đạt	
51	28204131271	Lê Phạm Quỳnh	Như	15/09/2004	Quảng Ngãi	31THT6	5.3	3.6	Không Đạt	
52	28204505623	Phạm Lê Quỳnh	Như	14/02/2004	Đà Nẵng	31SHT7	9.0	7.5	Đạt	
53	28206702742	Võ Phạm Kiều	Oanh	23/07/2004	Quảng Nam	31SBN7	8.3	5.0	Đạt	
54	28214551704	Nguyễn Văn	Phúc	24/04/2004	Đà Nẵng	31SBN7	7.3	6.0	Đạt	
55	28214301047	Trần Đình	Phúc	11/06/2003	Quảng Nam	31SBN7	9.7	6.0	Đạt	
56	28206246675	Phạm Thị	Phương	24/03/2004	Ninh Bình	31TYC11	6.7	5.0	Đạt	
57	28206605426	Đỗ Nguyễn Đan	Phượng	27/09/2004	Đà Nẵng	31SHT7	8.7	5.8	Đạt	
58	28212336519	Nguyễn Công	Quý	07/09/2004	Quảng Nam	31TSC12	8.7	5.3	Đạt	
59	28206631910	Trần Thị Tố	Quyên	07/10/2004	Đà Nẵng	31SHT7	8.3	5.3	Đạt	
60	28216806037	Trần Xuân	Quyên	24/12/2003	Đắk Lắk	31SHT7	8.0	4.0	Không Đạt	
61	28212351346	Nguyễn Đăng	Quyn	03/07/2004	Quảng Nam	31CYC8	9.0	5.0	Đạt	
62	28204600357	Phạm Thị Thúy	Tâm	03/06/2004	Đắk Lắk	31SHT7	10.0	7.5	Đạt	
63	28214648008	Nguyễn	Thân	05/09/2004	Thừa Thiên H	31SHT7	0.0	3.0	Không Đạt	
64	28212300348	Nguyễn Tiến	Thắng	03/01/2004	Hưng Yên	31TYC11	9.7	9.5	Đạt	
65	26202218413	Nguyễn Thu	Thảo	20/07/2002	Quảng Ngãi	31SHT7	8.3	5.0	Đạt	
66	28214101365	Nguyễn Đăng	Thi	16/06/2004	Phú Yên	31TYC11	9.3	9.0	Đạt	
67	28208024671	Hoàng Thị Phước	Thiện	21/01/2004	Quảng Trị	31SBN7	5.0	3.9	Không Đạt	

Ghi chú: Các học viên có kết quả "Không đạt" phải tự theo dõi lịch thi các đợt tiếp theo và đăng ký thi lại các phần thi được tô màu đỏ(không đạt phần thi nào thì thi lại phần thi đó). Phần Cơ bản không đạt sẽ bị hủy điểm thi phần Nâng cao theo đúng nội dung thông báo.

TT	MÃ HỌC VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	NGÀY SINH	NƠI SINH	LỚP	ĐIỂM THI			GHI CHÚ
							KTC	THUD	KẾT QUẢ	
68	28205245615	Nguyễn Anh	Thư	09/05/2004	Đà Nẵng	31TBN11	7.0	3.5	Không Đạt	
69	28209405118	Nguyễn Anh	Thư	05/01/2004	Kon Tum	31TYC11	7.7	5.3	Đạt	
70	28208103686	Nguyễn Thị Anh	Thư	23/04/2004	Quảng Nam	31SBN7	6.7	2.3	Không Đạt	
71	28212301589	Võ Đức	Toàn	22/01/2004	Quảng Nam	31TSC12	8.0	8.3	Đạt	
72	27202120563	Nguyễn Hương	Trà	22/08/2003	Quảng Ngãi	31SHT7	0.0	0.0	Không Đạt	
73	28205102103	Nguyễn Minh	Trâm	01/11/2004	Gia Lai	31TBN4	5.3	5.5	Đạt	
74	28207103182	Nguyễn Thị Khánh	Trâm	26/04/2003	Gia Lai	31TYC8	8.3	5.0	Đạt	
75	29209023554	Nguyễn Châu Ngọc	Trâm	19/08/2005	Bình Định	31TYC11	8.0	9.0	Đạt	
76	28206653681	Nguyễn Cao Minh	Trang	17/07/2004	Đà Nẵng	31SHT7	8.3	5.3	Đạt	
77	28205151635	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	06/05/2004	Quảng Bình	31SBN7	5.3	4.0	Không Đạt	
78	29209443156	Nguyễn Thị Thu	Trang	25/01/2005	Gia Lai	31TBN11	6.7	5.0	Đạt	
79	28204553604	Nguyễn Thị Thùy	Trang	15/08/2004	Quảng Nam	31SHT7	9.7	7.3	Đạt	
80	28204800824	Nguyễn Thị Thùy	Trang	08/01/2004	Quảng Ngãi	31SBN7	8.0	2.8	Không Đạt	
81	27204702109	Trần Thị	Trang	02/05/2003	Nghệ An	31SHT7	10.0	7.5	Đạt	
82	28204551730	Lê Thị Mỹ	Trinh	10/10/2004	Thừa Thiên H	31SHT7	10.0	7.3	Đạt	
83	28216605989	Trần Gia	Trúc	23/05/2004	Vĩnh Long	31SBN7	8.7	6.0	Đạt	
84	28212306132	Trà Thanh	Trung	23/07/2004	Gia Lai	31TYC11	8.3	7.0	Đạt	
85	28212353553	Lê Văn	Tuấn	12/01/2004	Quảng Nam	31TYC11	6.0	6.8	Đạt	
86	28206223310	Lê Nguyễn Ngọc	Tuyền	14/01/2004	Bình Định	31SBN7	9.3	4.3	Không Đạt	
87	28205102163	Huỳnh Ái Phương	Uyên	12/11/2004	Phú Yên	31TYC11	7.3	8.5	Đạt	
88	28205254427	Văn Đình Minh	Uyên	16/07/2003	Đắk Lắk	31TYC3	8.0	5.3	Đạt	
89	28216500732	Nguyễn Kiều Thúy	Vi	01/01/2004	Bình Định	31SHT7	7.7	5.3	Đạt	
90	28218145697	Hứa Văn Hoàng	Vũ	14/06/2004	Quảng Nam	31SBN7	6.3	4.0	Không Đạt	
91	28209339287	Nguyễn Thị Hoàng	Vy	22/03/2004	Đà Lạt	31TYC11	7.7	8.3	Đạt	
92	28208122368	Từ Thị Mỹ	Xoan	27/02/2004	Quảng Trị	31TYC11	9.7	6.0	Đạt	

TRUNG TÂM TIN HỌC

(Đã ký)

Dương Trương Quốc Khánh